

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 153/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 10 - 2018

V/v anh X xin ly hôn chị M

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Hiền

Ông Đào Văn Rạng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018. Về việc anh X xin ly hôn chị M theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2018 giữa:

+ Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn X - Sinh năm 1972

Địa chỉ: Xóm 1 xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Chị Phạm Thị M (tức Phạm Thị Thanh M)) - Sinh năm 1974

ĐKKHKT: Xóm 1 xã N, huyện N, tỉnh N.

Địa chỉ: Không có địa chỉ.

Tại phiên tòa có mặt anh X, vắng mặt chị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 05/9/2018 cũng như lời khai của anh Hoàng Văn X trong quá trình giải quyết trình bày: Anh kết hôn với chị Phạm Thị M vào tháng 01/1996 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn anh và chị M chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2001 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính là do anh và chị M bất đồng quan điểm

sống dẫn đến vợ chồng xảy ra xô sát. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M không được cải thiện, từ tháng 02/2003 đến nay chị M đã bỏ nhà đi và không để lại tin tức, địa chỉ cho anh và mọi người trong gia đình. Đã nhiều lần anh tìm gọi chị M nhưng không biết chị M ở đâu làm gì. Anh đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tuyên bố chị Phạm Thị M mất tích và ngày 10/8/2018 Tòa án nhân dân huyện N đã tuyên bố chị Phạm Thị M, mất tích. Từ khi Tòa án nhân dân huyện N tuyên bố chị M mất tích đến nay vẫn không có tin tức địa chỉ của chị M. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M không còn nên anh xin được ly hôn chị Phạm Thị M. Về con chung giữa anh và chị Phạm Thị M có hai con chung là Hoàng Duy T sinh ngày 21/10/1996 và Hoàng Thị Diệu H sinh ngày 10/12/2000, hiện nay cháu Hoàng Duy T đã trưởng thành sống tự lập được nên anh không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu Toàn, còn cháu Hoàng Thị Diệu H hiện đang do anh nuôi dưỡng. Nay anh đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Về tài sản chung giữa anh và chị M thì anh không yêu cầu giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Văn X cư trú tại xã Nghĩa Lâm và chị Phạm Thị M nơi cư trú cuối cùng trước khi tuyên bố mất tích, ở xã N, huyện N, tỉnh N. Nay anh X có đơn xin ly hôn chị M và Tòa án nhân dân huyện N đã thu lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa chị Phạm Thị M vắng mặt và đã tuyên bố mất tích nên Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt chị M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Hoàng Văn X và chị Phạm Thị M được tổ chức kết hôn vào tháng 01/1996, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh X và chị M sống chung hòa thuận hạnh phúc đến năm 2001 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh X và chị M không được cải thiện, từ tháng 02/2003 đến nay chị M bỏ nhà đi không có tin tức, địa chỉ. Anh X đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị M mất tích và ngày 10/8/2018

Tòa án nhân dân huyện N đã tuyên bố chị Phạm Thị M mất tích. Từ khi Tòa án tuyên bố chị M mất tích đến nay vẫn không có tin tức của chị M. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh X và chị M đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh X xin được ly hôn chị M nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Hoàng Văn X và chị Phạm Thị M có hai con chung là Hoàng Duy T sinh ngày 21/10/1996 và Hoàng Thị Diệu H sinh ngày 10/12/2000, hiện cháu Hoàng Duy T đã trưởng thành sống tự lập được và anh X không yêu cầu xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng cháu T nên không đặt ra xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng đối với cháu T; đối với cháu Hoàng Thị Diệu H chưa đủ 18 tuổi và anh X xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng nên chấp nhận là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Hoàng Thị Diệu H chưa đặt ra xem xét giải quyết, khi nào chị M về hoặc có địa chỉ của chị M và anh X có đơn yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung giữa anh Hoàng Văn X và chị Phạm Thị M thì anh X không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm anh Hoàng Văn X phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 6 và 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử lý hôn giữa anh Hoàng Văn X và chị Phạm Thị M (Phạm Thị Thanh M).

2- Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Diệu H sinh ngày 10/12/2000 cho anh Hoàng Văn X trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Án phí dân sự sơ thẩm anh Hoàng Văn X phải nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Hoàng Văn X đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/06314 ngày 05/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh Hoàng Văn X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh X, vắng mặt chị M. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hiền

Đào Văn Rạng

Trần Xuân Dũng